

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 8 - 2024
V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đại

Ông Vũ Quang Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 26/7/2024 về việc: “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Như Q, sinh năm 2004

Địa chỉ: Khu D, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 2003

Địa chỉ: Khu B, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Q, anh H đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị Như Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc H chung sống với nhau từ tháng 9/2022, trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, anh chị ở cùng gia đình anh H tại khu B, xã N, huyện Đ. Chị và anh H chung sống đến cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, sau đó chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại xã B, huyện Đ. Chị và anh H không còn chung sống và quan tâm nhau nữa. Nay xác định không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

* Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Đinh Khánh A, sinh ngày 14/01/2023. Hiện cháu A đang ở với anh H. Chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng

con chung là cháu A, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

* Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày: Anh và chị Đinh Thị Như Q chung sống với nhau từ tháng 9/2022, trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh và chị Q ở cùng bố mẹ anh tại khu B, xã N, huyện Đ. Đến cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, sau đó chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại xã B, huyện Đ. Anh và chị Q không còn chung sống và quan tâm nhau nữa. Nay xác định không thể chung sống cùng nhau được nữa chị Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh H. Quan điểm anh H là đồng ý. Anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Q.

- Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung là Đinh Khánh A, sinh ngày 14/01/2023. Hiện cháu A đang ở với anh. Chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu A, không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con. Quan điểm của anh nhất trí để chị Q trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 7 Điều 3, Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Như Q.

+ Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Như Q và anh Nguyễn Quốc H.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Khánh A, sinh ngày 14/01/2023 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Q tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

+ Về án phí: Chị Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Đinh Thị Như Q cư trú tại khu D, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn anh Nguyễn Quốc H, cư trú tại khu B, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân

và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Q và anh H đều có lời khai thừa nhận anh chị chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay là hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. UBND xã B và UBND xã N nơi chị Q, anh H cư trú xác nhận: Từ năm 2022 đến nay, chị Q và anh H đã chung sống cùng nhau, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã B và UBND xã N. Quá trình chung sống gần đây anh chị có xảy ra mâu thuẫn trực trặc, cuối năm 2023, chị Q đã về nhà mẹ đẻ tại xã B Chị Q và anh H không chung sống cùng nhau nữa.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”* (khoản 1 Điều 9); *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”* (khoản 1 Điều 14); *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”* (khoản 2 Điều 53).

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”*.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã B và UBND xã N và các quy định của pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Như Q về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Quốc H.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh H có 01 con chung là Đinh Khánh A, sinh ngày 14/01/2023. Hiện cháu A đang ở cùng anh H. Chị Q, anh H thống nhất thỏa thuận chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Q tự nguyện không yêu cầu. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị Q và anh H là tự nguyện và phù hợp nên cần chấp nhận. Vì vậy cần giao cháu Đinh Khánh A, sinh ngày 14/01/2023 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị Q tự nguyện không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q và anh H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 3, Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Như Q.

1. Xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Như Q và anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Khánh A, sinh ngày 14/01/2023 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Q tự nguyện không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai ký hiệu BLTU/2023, số **0002269**, ngày **22/7/2024** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã Bằng Doãn;
- UBND xã Ngọc Quan
- Lưu HS + VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Khanh

